TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2020.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba

+ Bà Lý Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 1, xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

- *Bị đơn:* Ông Voòng Cá P, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Tổ 20, khu Văn H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(chị H có đơn xin vắng mặt; anh P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2020, bản tự khai ngày 10/3/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P chung sống với nhau vào năm 1983, không có đăng kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 7/1987, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp, ông P sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con mà thường xuyên cờ bạc về nhà lại kiếm chuyện chửi mắng vợ con. Bà H

đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P vẫn không thay đổi, mặc dù bà đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 7/1987 cho đến nay. Nay, bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông P, hai bên không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn ông Voòng Cá P.

Về con chung: Có 02 con chung.

1) Voòng Thị Triệu V, sinh ngày 12/6/1984 (đã trưởng thành)

2) Voòng Dậu P, sinh ngày 14/02/1986 (đã trưởng thành)

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn ông Voòng Cá P không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn ông Voòng Cá P theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Có 02 cháu Voòng Thị Triệu V, sinh ngày 12/6/1984; Voòng Dậu P, sinh ngày 14/02/1986. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Voòng Cá P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến cho ông P nhưng ông P vắng mặt đến lần thứ hai; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn xin ly hôn với ông Voòng Cá P, ông Voòng Cá P cư trú tại khu Văn H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long T, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà bà Lê Thị H và ông Voòng Cá P chung sống với nhau từ năm 1983 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tuy ông bà không có đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông P được xác lập trước ngày

03 tháng 01 năm 1987 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội.

Quá trình chung sống, bà Lê Thị H và ông Voòng Cá P có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gỗ, cải vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cũng không quan tâm gì đến nhau từ năm 1987 cho đến nay. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, bà yêu cầu ly hôn ông P.

Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện để bà H và ông P đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung Voòng Thị Triệu V, sinh ngày 12/6/1984 (đã trưởng thành). Voòng Dậu P, sinh ngày 14/02/1986 (đã trưởng thành).

[5] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Voòng Cá P về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Voòng Cá P.

Về con chung: 02 con chung Voòng Thị Triệu V, sinh ngày 12/6/1984, Voòng Dậu P, sinh ngày 14/02/1986 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0003083 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh